

Hà Nội, ngày 21 tháng 8 năm 2012

**QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2013”**

**BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM ỦY BAN DÂN TỘC**

Căn cứ Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/4/2007 của Chính phủ về việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 09/5/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;

Căn cứ Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 - 2015;

Căn cứ Quyết định số 95/QĐ-UBNDT ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt "Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011 - 2015";

Căn cứ Công văn số 1729/BTTTT-UDCNTT ngày 05/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2013;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính và Giám đốc Trung tâm Thông tin,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2013”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Giám đốc Trung tâm Thông tin và Thủ trưởng các Vụ, đơn vị thuộc Ủy ban có trách nhiệm thi hành Quyết định này. /

Nơi nhận: 17/03

- Như Điều 3;
- Bộ Tài chính;
- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Bộ Thông tin và Truyền thông;
- Bộ trưởng, Chủ nhiệm (để b/c);
- Các Phó Chủ nhiệm UB;
- Website UBNDT;
- Lưu: VT, Vụ KHTC(05), TTTT(03).

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM**  
**PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Phan Văn Hùng**



## ỦY BAN DÂN TỘC

### **KẾ HOẠCH ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG HOẠT ĐỘNG CỦA CƠ QUAN ỦY BAN DÂN TỘC NĂM 2013**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 210/QĐ-UBND ngày 21 / 8 /2012  
của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc)*

#### **I. CĂN CỨ LẬP KẾ HOẠCH**

- Quyết định số 246/2005/QĐ-TTg ngày 06/10/2005 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt chiến lược phát triển CNTT-TT đến năm 2010 và định hướng đến năm 2020;
- Luật Giao dịch điện tử ngày 29 tháng 11 năm 2005;
- Luật Công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;
- Nghị định số 64/2007/NĐ-CP ngày 10/04/2007 của Chính phủ về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước;
- Nghị định số 60/2008/NĐ-CP ngày 09/05/2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Dân tộc;
- Quyết định số 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015;
- Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt "Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011 - 2015".
- Căn cứ Công văn số 1729/BTTTT – UDCNTT ngày 05/7/2012 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc hướng dẫn xây dựng kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2013;

#### **II. HIỆN TRẠNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN**

##### **1. Môi trường pháp lý**

Văn bản đã được ban hành: Quyết định số 95/QĐ-UBND ngày 14/4/2011 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt "Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2011 - 2015"; Quyết định số 188/QĐ-UBND ngày 15/7/2011 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc phê duyệt Kế hoạch ứng dụng công nghệ thông tin năm 2012; Quyết định số 155/QĐ-UBND ngày 17/7/2012 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc Quy định công tác số hóa văn bản đi, đến của Ủy ban Dân tộc; Quyết định số 207/QĐ – UBND ngày 28 tháng 8 năm 2012 về việc Ban hành Quy chế sử dụng Hệ thống thư điện tử của Ủy ban Dân tộc.



Văn bản đã xây dựng đang trình phê duyệt: Chỉ thị tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của Ủy ban Dân tộc.

Văn bản đang xây dựng: Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống quản lý văn bản và điều hành; Quy chế đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trong hoạt động của Ủy ban Dân tộc.

## **2. Hạ tầng kỹ thuật**

### **2.1. Hệ thống máy chủ:**

- Hệ thống máy chủ của Ủy ban Dân tộc bao gồm 12 máy chủ, trong đó có 9 máy đặt tại Trung tâm Thông tin (80 Phan Đình Phùng, Quận Ba Đình, TP. Hà Nội), 1 máy đặt tại trụ sở 2 (18 Lý Văn Phúc, Quận Đống Đa, TP. Hà Nội) và 02 máy chủ đặt tại các Vụ Địa phương trực thuộc Ủy ban. Thiết bị lưu trữ tập trung SAN DS-400 được kết nối trực tiếp với 02 máy chủ làm nhiệm vụ lưu trữ dữ liệu và 01 ổ đĩa mạng 04Tb.

- Hệ thống máy chủ do Đề án 112 đầu tư, đến nay hệ thống này đã xuống cấp và đang bước vào giai đoạn cần phải sửa chữa, nâng cấp tuy nhiên chưa có nguồn kinh phí để thực hiện. Hiện tại 8/12 máy chủ đã có niên hạn sử dụng trên 05 năm, trong đó có 06 máy chủ cấu hình thấp không có khả năng nâng cấp do không có linh kiện và 01 máy chủ bị hỏng không sử dụng được. Thực tế chỉ còn 05 máy chủ được sử dụng cho các dịch vụ và ứng dụng. Do vậy các máy chủ chính phải dùng chung cho nhiều mục đích sử dụng. Số máy chủ còn lại dùng cho hoạt động dự phòng, không đủ khả năng duy trì thường xuyên các ứng dụng khi máy chủ chính gặp lỗi.

- Hệ thống máy chủ đa phần sử dụng hệ điều hành Microsoft Windows Server 2003 – 2008 và hệ điều hành mã nguồn mở CentOS.

### **2.2. Hệ thống máy tính cá nhân (PC)**

Ủy ban Dân tộc hiện đã trang bị gần 300 máy PC cho cán bộ, công chức, đạt tỷ lệ khoảng 90% cán bộ, công chức được trang bị máy tính. Các máy PC đều đã được kết nối mạng nội bộ (LAN) và có khả năng truy cập Internet thường xuyên.

Phần lớn các máy đã sử dụng trên 03 năm, khoảng 20% số máy là các thế hệ máy cũ cấu hình thấp, đã sử dụng trên 6 năm, ảnh hưởng không nhỏ đến hiệu quả làm việc của cán bộ, công chức.

Đa số phần mềm sử dụng trên máy tính cá nhân không có bản quyền, chỉ có khoảng 20 máy tính có bản quyền hệ điều hành Microsoft Windows XP, chiếm tỷ lệ 10%.

### **2.3. Hệ thống mạng, thiết bị mạng và đường truyền**

Hệ thống mạng của Ủy ban Dân tộc đã được xây dựng theo mô hình kết nối LAN-to-LAN tới các đơn vị ở xa thông qua mạng riêng ảo VPN, đảm bảo khả năng truy cập thông tin thống nhất trong toàn cơ quan Ủy ban Dân tộc (bao gồm các Vụ



nằm ngoài trụ sở chính). Các đơn vị sự nghiệp và các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương chưa có khả năng kết nối vào hệ thống này.

Các thiết bị kết nối mạng đã được quan tâm đầu tư, bước đầu bảo đảm cho hoạt động của hệ thống trong giai đoạn hiện nay. Đã lắp đặt 02 đường truyền cáp quang kết nối đến Ủy ban Dân tộc (trong đó 01 đường truyền cáp quang Leased Line của Bưu điện Trung ương có tốc độ 20Mbps, 01 đường FTTH dự phòng), 1 đường truyền cáp quang đến trụ sở 2 của Ủy ban Dân tộc (18 Lý Văn Phúc, Hà Nội) và 2 đường cáp quang đến 2 Vụ Địa phương (Đắk Lắk và Cần Thơ) phục vụ truy cập Internet và kết nối VPN với hệ thống mạng nội bộ của Ủy ban dân tộc. Các đường truyền hiện tại bước đầu đã đáp ứng được nhu cầu sử dụng Internet của cán bộ, công chức, viên chức.

Tuy đường truyền Internet chính đã là đường truyền kết nối riêng Leased Line đến Ủy ban Dân tộc nhưng đường dự phòng và các đường truyền đến những địa điểm nằm ngoài Ủy ban vẫn là đường FTTH nên chưa đồng bộ để xây dựng cơ sở hạ tầng theo lộ trình triển khai Chính phủ điện tử tại Ủy ban Dân tộc trong thời gian tới.

#### **2.4. Hệ thống bảo mật**

Trung tâm đã triển khai hệ thống tường lửa/mạng riêng ảo tại Ủy ban Dân tộc (80 Phan Đình Phùng, 18 Lý Văn Phúc) và các Vụ Địa phương II, III, đảm bảo hệ thống mạng của Ủy ban được kết nối trực tuyến thống nhất. Thiết bị tường lửa mới được trang bị ban đầu làm nhiệm vụ bảo mật kết nối Internet, chưa có các thiết bị phần cứng và phần mềm bảo mật chuyên dụng cho các dịch vụ bảo mật vùng DMZ và vùng cho người sử dụng.

Việc bảo mật và phòng chống virus, spy, malware... tại các máy trạm chưa được đầu tư sử dụng phần mềm có bản quyền, hiện tại vẫn sử dụng các phần mềm miễn phí.

Các cán bộ kỹ thuật của Trung tâm chủ yếu là tự đào tạo trên thực tế, chưa được quan tâm đầu tư kinh phí đào tạo, bồi dưỡng nên ảnh hưởng đến việc quản trị bảo mật hệ thống.

### **3. Ứng dụng CNTT trong nội bộ các cơ quan**

#### **a. Hệ thống quản lý văn bản và điều hành**

Hệ thống quản lý văn bản và điều hành của Ủy ban Dân tộc do Trung tâm Thông tin nghiên cứu và xây dựng (nền tảng ASP/SQL Server), đã được ứng dụng tại Văn phòng từ đầu năm 2007. Sau một thời gian nghiên cứu và tự nâng cấp, năm 2009, hệ thống đã được đưa vào ứng dụng tại toàn bộ các trạm làm việc trong cơ quan Ủy ban Dân tộc theo mô hình khép kín trên mạng nội bộ.

Tuy nhiên đến nay, do nhiều nguyên nhân, việc triển khai hệ thống gặp không ít khó khăn, hiện vẫn chỉ ứng dụng tại Văn phòng và Trung tâm Thông tin, trong đó nguyên nhân chủ yếu là do Quy chế quản lý, sử dụng và khai thác hệ thống quản lý



văn bản và điều hành của Ủy ban Dân tộc chưa được ban hành, chưa có nguồn kinh phí tập trung đầu tư riêng cho nội dung này, kinh phí mới chỉ dừng lại ở mức bảo đảm chi thường xuyên.

b. Hệ thống thư điện tử

Hệ thống Thư điện tử của Ủy ban Dân tộc hiện đang ứng dụng phần mềm MDaemon 9.6, hoạt động theo mô hình off-line.

Hệ thống thư điện tử được quản trị theo quy trình đảm bảo an toàn, bảo mật, hoạt động ổn định, cung cấp cho mỗi cán bộ, công chức, viên chức thuộc Ủy ban Dân tộc một hộp thư riêng, với số lượng 558 hộp thư, trong đó 497 hộp thư của cán bộ Ủy ban và 61 hộp thư của Ban Dân tộc các tỉnh. Tổng dung lượng lưu trữ hộp thư hiện tại là 72Gb, mỗi tháng trung bình tăng thêm khoảng 6Gb; Số lượng truy cập trung bình một ngày khoảng 150 hộp thư.

Hệ thống thư điện tử đã được xây dựng phù hợp với yêu cầu hiện tại, phiên bản Mdaemon 9.6 hoạt động tốt trên Trang tin điện tử của UBĐT và phát huy được các tính năng giúp người sử dụng khai thác phục vụ công tác chuyên môn. Tuy nhiên, khi Trang tin điện tử được nâng cấp thành Cổng thông tin điện tử (dự kiến khai trương vào quý 4/2012) thì phiên bản MDaemon 9.6 không đồng bộ, vì vậy cần nâng cấp phiên bản mới.

c. Các hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn

Hệ thống thông tin phục vụ chuyên môn được xây dựng bao gồm 12 phân hệ (Quyết định số 1597/QĐ-BTTTT ngày 24/10/2008 của Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông phê duyệt Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2009-2010 của Ủy ban Dân tộc), đến nay mới triển khai và bàn giao đưa vào sử dụng được 02 phân hệ: phân hệ Quản lý đơn thư khiếu nại tố cáo ứng dụng tại Thanh tra Ủy ban, phân hệ Quản lý báo cáo tài chính (mới chỉ dừng ở mức tổng hợp ngân sách từ báo cáo) ứng dụng tại Vụ Kế hoạch- Tài chính.

Nguyên nhân chủ yếu tác động đến kết quả việc xây dựng các ứng dụng chậm được triển khai là do không có nguồn kinh phí đầu tư, các ứng dụng hoàn toàn do đơn vị chuyên trách về CNTT tự nghiên cứu, xây dựng.

- Hệ thống cơ sở dữ liệu phục vụ tra cứu

Đã xây dựng hệ thống cơ sở dữ liệu ban đầu trên cơ sở các số liệu điều tra của Tổng cục Thống kê và các Bộ ngành, phục vụ tra cứu các số liệu về dân tộc trên nền tảng DevInfo, bao gồm: Cơ sở dữ liệu bóc tách từ 5 cuộc điều tra (Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 1999, Khảo sát mức sống hộ gia đình 2002-2004, Điều tra y tế quốc gia năm 2001 và Điều tra quốc gia trẻ vị thành niên và thanh niên năm 2003), cơ sở dữ liệu dân số các dân tộc Việt Nam, cơ sở dữ liệu tổng hợp kết quả thực hiện Chương trình 135 giai đoạn II.

Căn cứ vào yêu cầu công tác, với mục tiêu chuẩn hóa và tối ưu các cơ sở dữ liệu chuyên ngành, Ủy ban Dân tộc đã phê duyệt “Đề án phát triển, ứng dụng công nghệ thông tin và truyền thông hệ thống thống kê của Ủy ban Dân tộc đến năm 2015



và định hướng đến năm 2020” và “Đề án xây dựng bộ cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam” (phê duyệt tại Quyết định số 195/QĐ-UBND ngày 06/7/2010 và Quyết định số 393/QĐ-UBND ngày 01/10/2010 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc). Các Đề án trên chưa được thực hiện đúng tiến độ do không được cấp kinh phí.

#### **4. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

Trang tin điện tử Ủy ban Dân tộc được thành lập theo Quyết định số 19/2005/QĐ-UBND ngày 18/01/2005 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc và hoạt động theo giấy phép số 455/GP-BC do Cục Báo chí - Bộ Văn hoá Thông tin cấp ngày 18/10/2004; Hoạt động của Trang tin điện tử tuân thủ theo Luật Báo chí, Luật Công nghệ Thông tin và các văn bản nhà nước khác về quản lý về Báo chí, Ứng dụng CNTT trong cơ quan nhà nước.

Trang tin điện tử được phát triển trên nền mã nguồn mở phpNuke, quản trị bởi đội ngũ cán bộ của Trung tâm Thông tin, do Giám đốc Trung tâm Thông tin- chỉ đạo nội dung và chịu trách nhiệm chính. Đến nay, Trang tin đã đăng tải được gần 25.000 bài viết, hơn 4.000 tin và hơn 1.000 văn bản hướng dẫn các loại với trên 40 triệu lượt người truy cập từ 119 quốc gia và vùng lãnh thổ.

Cũng trên Trang tin điện tử, Ủy ban Dân tộc đã triển khai ứng dụng đối thoại trực tuyến về các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước, truyền phát trực tuyến (online và offline) một số kênh phát thanh truyền hình tiếng dân tộc trên Internet như: VTV5, CVTV2, VOV4. Theo kết quả khảo sát đánh giá Website/Portal của các Bộ, cơ quan ngang Bộ, Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương năm 2011 do Bộ Thông tin và Truyền thông công bố, Trang tin điện tử Ủy ban Dân tộc hiện đứng thứ 17/21 Bộ, cơ quan ngang bộ về mức độ cung cấp thông tin và đứng thứ 8/20 Bộ, cơ quan ngang bộ về mức độ cung cấp dịch vụ công trực tuyến.

Do cơ chế hoạt động của hệ thống phần mềm quản trị nội dung Trang tin điện tử chưa đáp ứng được nhu cầu phân cấp, phân quyền quản trị cũng như khả năng tích hợp các hệ thống CNTT của Ủy ban Dân tộc nên trong năm 2009, Trung tâm Thông tin đã tiến hành nâng cấp Trang tin điện tử thành Cổng thông tin điện tử sử dụng nền tảng IBM WebSphere Portal và đáp ứng yêu cầu cơ bản về chức năng, tính năng kỹ thuật của hệ thống cổng thông tin điện tử theo nội dung công văn số 1654/BTTTT-UDCNTT ngày 27/5/2008 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Ngoài Trang tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, Trung tâm Thông tin còn là đầu mối quản lý hệ thống thông tin Chương trình 135, Trang tin thành phần Vụ Địa phương I, Vụ Địa phương II và Vụ Địa phương III, Trang tin thành phần phòng chống Ma túy HIV/AIDS và mại dâm, Trang tin thành phần Hoạt động khoa học, Trang tin thành phần Chương trình mục tiêu quốc gia đưa thông tin về cơ sở, Trang tin thành phần Phổ biến giáo dục pháp luật, Trang tin thành phần Thủ tục hành chính...



## **5. Hiện trạng về nguồn nhân lực ứng dụng CNTT**

### **a. Tổ chức và nguồn nhân lực chuyên trách về CNTT:**

Ủy ban Dân tộc đã từng bước hoàn thiện hệ thống tổ chức của đơn vị chuyên trách về công nghệ thông tin (Trung tâm Thông tin) với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức ban hành tại Quyết định số 414/QĐ-UBDT ngày 30/12/2008 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Ủy ban Dân tộc. Trung tâm Thông tin được tổ chức thành 05 phòng chuyên môn, biên chế được giao là 28 người;

Căn cứ vào kết quả thực tiễn các hoạt động chuyên môn, có thể đánh giá: năng lực một số cán bộ chuyên trách làm công tác CNTT còn yếu, lực lượng biên chế chính thức còn quá khiêm tốn so với yêu cầu công tác.

### **b. Năng lực ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong Ủy ban Dân tộc:**

Trong giai đoạn vừa qua, Ủy ban dân tộc đã tổ chức nhiều lớp tập huấn, hướng dẫn về ứng dụng CNTT. Đến nay, 90% cán bộ, công chức, viên chức được tiếp xúc thường xuyên với máy tính, sử dụng các ứng dụng, phần mềm của máy tính (Word, Excel...) trong các hoạt động nghiệp vụ chuyên môn; 60% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng máy tính để truy cập Internet, khai thác các thông tin trên mạng phục vụ nhiệm vụ chuyên môn; 60% cán bộ, công chức, viên chức đã thành thạo và thường xuyên sử dụng hộp thư điện tử cá nhân của Ủy ban trong việc trao đổi thông tin; trên 30% cán bộ, công chức, viên chức sử dụng hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp của Ủy ban Dân tộc trong quản lý văn bản và điều hành công việc; dưới 20% cán bộ, công chức có khả năng tự quản lý và phòng chống virus, malware trên máy tính;

Cơ sở vật chất về CNTT còn thiếu, một số cán bộ chưa được trang bị máy tính cá nhân, trong khi đó nhiều máy tính cá nhân đã cũ và lạc hậu; năng lực và trách nhiệm ứng dụng CNTT của cán bộ, công chức, viên chức trong Ủy ban Dân tộc nói chung còn hạn chế, nhiều lĩnh vực chưa đạt được mục tiêu đề ra của Chính phủ.

## **6. Báo cáo về kinh phí thực hiện Kế hoạch năm 2012**

### **a. Đối với các dự án thực hiện theo quy trình quản lý đầu tư sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển**

Năm 2012, Ủy ban Dân tộc chưa bố trí được kinh phí từ nguồn vốn đầu tư phát triển để triển khai các nhiệm vụ đã được phê duyệt trong Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2012

### **b. Đối với các dự án, nhiệm vụ thực hiện bằng nguồn kinh phí thường xuyên**

Năm 2012, trong nguồn kinh phí thường xuyên, Ủy ban Dân tộc không giao cho Trung tâm Thông tin kinh phí để thực hiện các dự án/nhiệm vụ theo Kế hoạch đã được phê duyệt.



c. Đánh giá chung

Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2012 trong hoạt động của Ủy ban Dân tộc không có kinh phí để triển khai ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện Kế hoạch ứng dụng CNTT giai đoạn 2011-2015 và làm chậm tiến trình xây dựng Chính phủ điện tử tại cơ quan Ủy ban Dân tộc.

d. Đề xuất giải pháp 6 tháng cuối năm 2012

Bộ Tài chính căn cứ đề xuất của Ủy ban Dân tộc cấp kinh phí bổ sung 6 tháng cuối năm 2012 để Ủy ban Dân tộc triển khai một số nhiệm vụ đã được phê duyệt tại Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2012.

### **III. MỤC TIÊU ỨNG DỤNG CNTT NĂM 2013**

#### **1. Mục tiêu chung**

Tạo sự chuyển biến cơ bản trong ứng dụng CNTT phục vụ công tác quản lý Nhà nước của UBNDT, đảm bảo phát triển đúng lộ trình Chính phủ điện tử; phần đầu năm 2013 xếp hạng trung bình trong bảng xếp hạng của Bộ TTTT về ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

##### **2.1. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan**

a. Về trao đổi văn bản điện tử qua mạng:

- Tỷ lệ văn bản giao dịch, làm việc trên môi trường mạng đạt 35%;
- Tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức được cung cấp hộp thư điện tử và thường xuyên sử dụng trong công việc là 100%.

b. Về ứng dụng CNTT trong công tác chỉ đạo, điều hành, xử lý công việc hành chính:

- Đảm bảo 100% các thông tin chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Ủy ban được đưa lên Trang tin điện tử/Cổng thông tin điện tử UBNDT; tỷ lệ các Vụ, đơn vị sử dụng hệ thống thông tin tổng thể trên môi trường mạng là 30%;

- Đảm bảo 100% các cuộc họp của Ủy ban Dân tộc được thực hiện qua hệ thống phòng họp trực tuyến;

- Đảm bảo 80% tài liệu trong các cuộc họp được sử dụng bằng tài liệu điện tử.

c. Về ứng dụng Công nghệ thông tin trong quản lý cán bộ, tài chính-kế toán, các nghiệp vụ khác:

- Đảm bảo 100% hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức thuộc cơ quan Ủy ban Dân tộc được quản lý dưới dạng dữ liệu điện tử;

- Đảm bảo 100% văn bản thông tin, báo cáo về công tác dân tộc được quản lý dưới dạng dữ liệu điện tử;



- Đảm bảo 80% đơn thư khiếu nại, tố cáo và nghiệp vụ thanh tra được quản lý, vận hành dưới dạng dữ liệu điện tử;

- Đảm bảo 80% nghiệp vụ tài chính – kế toán được quản lý bằng phần mềm.

## **2.2. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp:**

- Đảm bảo Trang tin điện tử/Cổng thông tin điện tử Ủy ban Dân tộc cung cấp đầy đủ thông tin theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/06/2011 quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến trên trang thông tin điện tử hoặc cổng thông tin điện tử của cơ quan nhà nước:

+ Thông tin kịp thời, đầy đủ chính sách dân tộc đến mọi người dân, cơ quan, tổ chức;

+ Hướng dẫn, giải đáp, đối thoại về chính sách dân tộc: Phản ánh ý kiến chỉ đạo của Lãnh đạo Ủy ban Dân tộc, ý kiến phản hồi của người dân, nguyện vọng của đồng bào dân tộc...

- Đảm bảo các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc tại Hà Nội và các địa phương chọn thử nghiệm được truyền phát trực tuyến trên Trang tin điện tử/Cổng thông tin điện tử UBĐT theo nội dung Quyết định 1605/QĐ-TTg ngày 27/8/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình quốc gia về ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan nhà nước giai đoạn 2011 – 2015;

- Đảm bảo 100% dịch vụ công trực tuyến của Ủy ban Dân tộc được cung cấp ở mức độ 2 trở lên, phục vụ cải cách hành chính tại cơ quan Ủy ban Dân tộc song song với phục vụ người dân và doanh nghiệp

## **2.3. Ứng dụng CNTT chuyên ngành:**

a. Đảm bảo các phân hệ thuộc hệ thống thông tin phục vụ công tác quản lý, chỉ đạo, điều hành Ủy ban Dân tộc, tạo môi trường trao đổi thông tin trực tuyến giữa hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc, đảm bảo các thông tin được quản lý trên một nền tảng thống nhất, đồng bộ, phát huy hiệu quả tổng thể;

b. Đảm bảo hệ thống thông tin được ứng dụng và đáp ứng 30% các văn bản, tài liệu nội bộ được trao đổi hoàn toàn dưới dạng điện tử;

c. Đảm bảo ¾ CSDL thành phần của Bộ Cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam được xây dựng và ứng dụng tại cơ quan Ủy ban Dân tộc:

- Hoàn thiện các cơ sở dữ liệu thành phần dự kiến được xây dựng trong năm 2012

+ Rà soát cập nhật bổ sung CSDL chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước các văn bản còn thiếu và phát sinh trong năm 2013;

+ Cập nhật bổ sung CSDL về các dân tộc thiểu số Việt Nam từ các nguồn dữ liệu thu thập được từ các cuộc điều tra do Ủy ban Dân tộc chủ trì;

+ Bổ sung thêm các biểu mẫu báo cáo vào CSDL số liệu Tổng điều tra dân số và nhà ở năm 2009 (số liệu về dân tộc thiểu số). Sau khi Bộ chỉ tiêu thống kê ngành được phê duyệt, CSDL này sẽ được nâng cấp thành CSDL về các chỉ tiêu thống kê



trong lĩnh vực công tác dân tộc; tiến tới cập nhật bổ sung các dữ liệu điều tra mẫu hàng năm để dữ liệu thống kê được cập nhật hơn.

- Xây dựng thêm CSDL thành phần: CSDL kết quả về thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc. Trong điều kiện Bộ chỉ tiêu thống kê ngành được thiết kế sao cho bao trọn các dữ liệu báo cáo kết quả về thực hiện các chương trình, chính sách dân tộc, CSDL thành phần này sẽ được tích hợp vào CSDL về các chỉ tiêu thống kê trong lĩnh vực công tác dân tộc.

#### **IV. NỘI DUNG KẾ HOẠCH**

##### **1. Hạ tầng kỹ thuật**

###### **1.1. Hệ thống máy chủ:**

Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống máy chủ đảm bảo được tích hợp và cài đặt tại cơ quan Ủy ban Dân tộc phục vụ các dịch vụ Hệ thống thư điện tử Trang tin điện tử/Cổng thông tin điện tử của Ủy ban Dân tộc, Trang thông tin Chương trình 135, các Trang tin thành phần ..... Đồng thời với việc nâng cấp hệ thống thông tin điều hành, hệ thống cơ sở dữ liệu về các vấn đề dân tộc để tăng cường khả năng đảm bảo hoạt động quản lý, chỉ đạo, điều hành đồng bộ trong hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc, triển khai các dịch vụ công trực tuyến nằm trong chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc, cần bổ sung đầu tư tối thiểu 05 máy chủ cấu hình cao, đảm bảo toàn bộ các dịch vụ được hoạt động ổn định, thông suốt.

Hệ thống lưu trữ tập trung cần trang bị 01 hệ thống mạnh hơn với dung lượng lưu trữ cao hơn. Song song với việc trang bị thêm hệ thống lưu trữ tập trung, các dịch vụ, ứng dụng đang hoạt động đơn lẻ trên máy chủ độc lập phải nâng cấp lên theo mô hình giải pháp clustering, đảm bảo tính sẵn sàng, không bị ngừng hệ thống khi có sự cố.

###### **1.2. Hệ thống mạng, thiết bị kết nối mạng và đường truyền:**

Hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ của Ủy ban Dân tộc, nâng cấp các thiết bị kết nối mạng, đảm bảo kết nối của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc với các ứng dụng dùng chung: tăng cường các thiết bị kết nối trực chính; nâng cấp thiết bị VPN hỗ trợ khả năng kết nối đa điểm; nâng cấp năng lực đường truyền kết nối trực tuyến đến hệ thống ứng dụng và dịch vụ của Ủy ban Dân tộc; trang bị thêm thiết bị trên đường truyền trực chính đảm bảo tính tương thích, đồng bộ cùng với việc cài đặt hệ thống fail-over, load-balancing... Đường truyền cần nâng cấp đồng bộ các đường kết nối cáp quang qua Cục Bưu điện Trung ương và Công ty Viễn thông quân đội Viettel, băng thông thuê bao tính tại từng thời điểm theo yêu cầu cụ thể của ứng dụng và nhu cầu trao đổi thông tin.



### **1.3. Hệ thống máy tính cá nhân (PC)**

Tăng cường kinh phí đầu tư máy PC cho cán bộ, công chức của Ủy ban, đảm bảo đạt tỷ lệ 100% cán bộ, công chức được trang bị máy tính đảm bảo cho nhu cầu triển khai nghiệp vụ chuyên môn.

### **1.4. Hệ thống bảo mật**

Trang bị tăng cường các thiết bị/phần mềm bảo mật chuyên dụng cho các dịch vụ bảo mật lớp trong ở mức hệ thống (Firewall mềm) cùng với phần mềm phòng chống, diệt virus, malware tại các máy trạm đảm bảo tính an toàn, bảo mật thông tin trên toàn hệ thống cũng như tại vị trí của từng người sử dụng.

Ngoài ra, cũng cần trang bị thêm các thiết bị an toàn cho đường nguồn cung cấp điện để đảm bảo hệ thống hoạt động thông suốt như thiết bị lưu điện cỡ lớn, máy phát điện dự phòng.

## **2. Ứng dụng CNTT trong nội bộ cơ quan**

### **2.1. Hệ thống thư điện tử**

- Nâng cấp và cài đặt lên phiên bản mới, cao cấp hơn, có nhiều tính năng hơn đảm bảo tính an toàn và bảo mật thông tin, thân thiện dễ sử dụng, có khả năng mở rộng và đáp ứng được yêu cầu đặt ra.

- Đảm bảo tính ổn định về chất lượng đường truyền Internet giúp cho hệ thống thư điện tử luôn hoạt động tốt. Nhằm đáp ứng được tính sẵn sàng khi người dùng sử dụng thư điện tử.

- Tiếp tục hoàn thiện và nâng cao hệ thống an toàn và bảo mật thông tin đối với hệ thống thư điện tử.

- Nâng cấp máy chủ Mail nhằm tăng dung lượng sử dụng Email của mỗi hộp thư cá nhân.

- Định kỳ bảo trì, bảo dưỡng hệ thống (bao gồm cả phần cứng và phần mềm)

### **2.2. Hệ thống Quản lý văn bản và điều hành**

- Đầu tư triển khai hệ thống Quản lý văn bản và điều hành trên nền tảng công nghệ mới, đáp ứng với yêu cầu tích hợp các hệ thống thông tin, an toàn bảo mật thông tin và thỏa mãn nhu cầu ứng dụng CNTT trong các hoạt động quản lý điều hành của Ủy ban Dân tộc và các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương. Ngoài việc đáp ứng đầy đủ yêu cầu về quản lý văn bản và điều hành trên hệ thống mạng, hệ thống mới tối thiểu phải đảm bảo một số tính năng chủ yếu dưới đây:

+ Công cụ định nghĩa luồng công việc cho từng hoạt động cụ thể.

+ Cho phép chia sẻ file, thư mục dùng chung, cho phép sửa văn bản trực tuyến.

+ Khả năng tích hợp LDAP, mail; phân quyền và gán chức năng mềm dẻo thông qua giao diện phần mềm.

- Thống nhất hệ thống kế toán dùng chung của Ủy ban Dân tộc và các đơn vị trực thuộc, đảm bảo tính công khai, minh bạch đối với các hoạt động tài chính kế toán và khả năng kết xuất báo cáo tài chính thường xuyên, đột xuất theo yêu cầu.



### **3. Ứng dụng CNTT phục vụ người dân và doanh nghiệp**

- Triển khai xây dựng các Cổng thông tin thành phần phục vụ một số nội dung: Xây dựng Trang tin thành phần tiếng Anh trên Trang tin điện tử Ủy ban Dân tộc;

- Tin học hóa các thủ tục hành chính của Ủy ban Dân tộc: Bảo đảm 80% các thông tin chỉ đạo, điều hành của Lãnh đạo Ủy ban được đưa lên cổng thông tin điện tử hoặc Trang tin điện tử UBĐT;

- Xây dựng, duy trì và phát triển hệ thống truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh truyền hình dân tộc tại Hà Nội và các địa phương chọn thử nghiệm được truyền phát trực tuyến trên Trang tin điện tử/Cổng thông tin điện tử UBĐT tiến tới triển khai các dịch vụ công trực tuyến nằm trong chức năng quản lý nhà nước về công tác dân tộc của Ủy ban Dân tộc trên cổng thông tin ở mức độ 2 trở lên; duy trì và phát triển chuyên mục Dân tộc Online trên Trang tin điện tử/Cổng thông tin điện tử UBĐT.

### **4. Các ứng dụng CNTT chuyên ngành**

Xây dựng và quản lý Bộ cơ sở dữ liệu các dân tộc thiểu số Việt Nam, cập nhật, duy trì đáp ứng yêu cầu truy nhập, sử dụng thông tin của hệ thống các cơ quan làm công tác dân tộc và phục vụ lợi ích xã hội.

Trên cơ sở Bộ cơ sở dữ liệu này, triển khai tích hợp hệ thống thông tin bản đồ số nhằm tăng cường khả năng đánh giá sự phát triển cũng như dự báo thông tin đối với vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi trên bản đồ thực địa.

### **5. Nguồn nhân lực cho ứng dụng CNTT**

Tiếp tục triển khai Nghị định số 64/2007/NĐ-CP và Quyết định số 689/QĐ-TTg ngày 01/6/2009 của Thủ tướng Chính phủ Phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển nguồn nhân lực công nghệ thông tin đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020:

- Đẩy mạnh việc phổ cập kiến thức và kỹ năng ứng dụng CNTT. Đảm bảo đa số cán bộ, công chức, viên chức; được đào tạo về ứng dụng CNTT trong công việc của mình.

+ Đào tạo sử dụng thành thạo Hệ điều hành và các ứng dụng văn phòng, Internet, Mail...: 200 lượt người/năm

+ Đào tạo sử dụng thành thạo các ứng dụng của hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp theo chuyên môn được giao: 200 lượt người/năm

+ Đào tạo khai thác và cập nhật hệ thống cơ sở dữ liệu dân tộc: 500 lượt người (nằm trong dự án cơ sở dữ liệu dân tộc).

+ Đào tạo thường xuyên về các ứng dụng và giới thiệu các công nghệ mới trong lĩnh vực công nghệ thông tin: 100 lượt người/năm

- Phối hợp với Bộ Thông tin và Truyền thông, các cơ quan chuyên ngành liên quan tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu cho cán bộ chuyên trách CNTT, đáp ứng



yêu cầu quản lý và triển khai các nhiệm vụ chuyên môn được giao. Nội dung các khóa đào tạo cần tập trung chuyên sâu:

- + Về xây dựng, triển khai và quản lý các dự án CNTT: 04 người.
- + Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống hạ tầng mạng: 06 người.
- + Về năng lực quản trị và phát triển hệ thống Cơ sở dữ liệu dân tộc, Công Thông tin điện tử tích hợp hệ thống thông tin điều hành tác nghiệp: 09 người.
- + Về năng lực quản trị và triển khai các hệ thống an toàn, an ninh và bảo mật hệ thống thông tin: 6 người.
- + Về năng lực quản trị và phát triển Trang tin điện tử/Công thông tin điện tử UBND (bao gồm cả nội dung Trang tin/Công): 12 người

Tổ chức các khóa tập huấn về ứng dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành cho đội ngũ cán bộ của Ủy ban Dân tộc và cơ quan làm công tác dân tộc cấp tỉnh.

Tổ chức các khóa tập huấn về quản lý và cập nhật tin bài Công Thông tin điện tử thành phần của các Vụ, đơn vị.

Tổ chức các khóa tập huấn về quản lý, duy trì và cập nhật thông tin vào phần mềm quản lý Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam

Tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin, đáp ứng khả năng quản trị và phát triển hệ thống thông tin của Ủy ban Dân tộc phù hợp với công nghệ hiện đại cũng như đảm bảo an toàn thông tin.

## **V. GIẢI PHÁP**

### **1. Tăng cường nguồn lực đầu tư cho ứng dụng CNTT**

Nguồn lực đầu tư cho chiến lược ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc còn hạn hẹp, kinh phí cấp cho hoạt động ứng dụng CNTT được cân đối từ nguồn kinh phí chi thường xuyên hàng năm của Ủy ban Dân tộc, nên chỉ đủ để duy trì các hệ thống, không có khả năng phát triển. Do vậy để đảm bảo thực hiện thành công Kế hoạch ứng dụng CNTT năm 2013, đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông xây dựng giải pháp tổng thể phối hợp với các Bộ ngành liên quan kiến nghị với Chính phủ tăng cường kinh phí chi cho hoạt động ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc nói riêng và các cơ quan Nhà nước nói chung, quan tâm ưu tiên đầu tư cho các nhiệm vụ trọng tâm, trọng điểm trong chiến lược phát triển vùng đồng bào dân tộc thiểu số.

### **2. Đưa ứng dụng CNTT vào công cuộc cải cách hành chính**

Đặt nhiệm vụ ứng dụng CNTT là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong công cuộc cải cách hành chính: Tăng cường cán bộ chuyên trách về CNTT tham gia vào Tổ Cải cách hành chính của Ủy ban, đánh giá kết quả ứng dụng CNTT là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả hoạt động và cải cách hành chính của các Vụ, đơn vị.



### **3. Hoàn thiện bộ máy chuyên trách về Công nghệ thông tin**

#### **3.1. Thành lập Ban Chỉ đạo về Công nghệ thông tin:**

Để đảm bảo tính khả thi của các chiến lược cũng như khả năng đánh giá toàn diện về ứng dụng công nghệ thông tin, đưa các quy chế về CNTT vào ứng dụng tại toàn bộ các Vụ, đơn vị của Ủy ban Dân tộc và các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương, Ủy ban Dân tộc thành lập Ban Chỉ đạo về Công nghệ thông tin do Lãnh đạo Ủy ban làm Trưởng ban; giao Trung tâm Thông tin làm đơn vị thường trực của Ban chỉ đạo.

#### **3.2. Hoàn thiện đơn vị chuyên trách về CNTT của Ủy ban Dân tộc, đảm bảo tốt về chất lượng, đủ về số lượng.**

Tại đơn vị chuyên trách về CNTT: Xây dựng khung tổ chức và biên chế cho các phòng, đảm bảo đủ biên chế triển khai các hoạt động thường xuyên của hệ thống thông tin Ủy ban Dân tộc theo định hướng ổn định, đáp ứng được mục tiêu xây dựng Chính phủ điện tử tại Ủy ban.

Tại các Vụ Địa phương: Xây dựng khung tổ chức Bộ phận Công nghệ Thông tin trực thuộc các Vụ địa phương, đảm bảo đủ biên chế cho các nghiệp vụ: Quản trị hệ thống hạ tầng, quản trị hệ thống ứng dụng điều hành tác nghiệp, thống kê và tổng hợp thông tin khu vực.

Tại các cơ quan làm công tác dân tộc địa phương (Ban Dân tộc tỉnh và Phòng dân tộc huyện), bố trí tối thiểu 01 cán bộ (chuyên trách hoặc kiêm nhiệm) tổng hợp thông tin và báo cáo thường xuyên thông qua hệ thống thông tin của Ủy ban Dân tộc.

### **4. Hoàn thiện môi trường pháp lý về ứng dụng CNTT**

Xây dựng, ban hành quy định về quy trình trao đổi, lưu trữ, xử lý văn bản điện tử; các chính sách nhằm giảm giấy tờ, tăng cường chia sẻ thông tin; các quy định về an toàn, an ninh thông tin trong các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin. Bảo đảm tận dụng triệt để hạ tầng kỹ thuật được trang bị trong trao đổi các văn bản hành chính giữa các Vụ, đơn vị trực thuộc Ủy ban nói riêng và giữa các cơ quan dân tộc với các cơ quan, tổ chức bên ngoài nói chung.

Hoàn thiện các văn bản quy định về tài chính phù hợp đặc thù ứng dụng công nghệ thông tin, có tác động thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, bao gồm: Bảo đảm kinh phí thường xuyên cho ứng dụng công nghệ thông tin; ưu tiên biên chế cán bộ công nghệ thông tin; ban hành khung chế độ ưu đãi với cán bộ chuyên trách về công nghệ thông tin.



## VI. KINH PHÍ THỰC HIỆN

*Đơn vị tính: triệu đồng*

TT	Tên dự án, nhiệm vụ	Mục tiêu, quy mô	Thời gian thực hiện	Đơn vị chủ trì	Dự kiến tổng kinh phí	Nội dung /hạng mục công việc năm 2013	Dự kiến kinh phí năm 2013	
							Ngân sách TW	Nguồn khác
1	Xây dựng dự án ứng dụng CNTT 2013 – 2014	Chuẩn bị cho đầu tư triển khai từng dự án, nhiệm vụ...	2011-2015	Trung tâm Thông tin	1.000	Xây dựng Kế hoạch nội dung, dự toán chi tiết các Dự án ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan của UBND năm 2013	200	
2	Dự án nâng cấp hệ thống hạ tầng mạng tại cơ quan UBND	Hoàn thiện hệ thống mạng nội bộ, hệ thống bảo mật, mạng riêng ảo đảm bảo khả năng phục vụ các hoạt động CNTT của UBND và khả năng kết nối của hệ thống các cơ quan làm CTDT với hệ thống mạng của Chính phủ	2011-2015	TTTT	3.820	Xây dựng hệ thống an ninh, bảo mật của Ủy ban Dân tộc giai đoạn 2	676	



3	Dự án truyền phát trực tuyến các kênh phát thanh, truyền hình dân tộc trên mạng Internet	Đưa các kênh thông tin về đồng bào dân tộc thiểu số lên Internet. Tuyên truyền các chủ trương, chính sách dân tộc của Đảng và Nhà nước đến với mọi đối tượng người xem.	2011-2015	TTTT	37.500	Xây dựng, duy trì truyền phát trực tuyến thử nghiệm kênh VTV5 và truyền phát lại các kênh VTV5, CVTV2, VOV4 trên Trang tin điện tử/Cổng thông tin điện tử UBND	333	
4	Xây dựng các hệ thống thông tin phục vụ nghiệp vụ chuyên môn của cơ quan Ủy ban Dân tộc	Tin học hóa 05 nhiệm vụ chuyên môn phục vụ hoạt động của Ủy ban Dân tộc theo yêu cầu đảm bảo đồng bộ hóa các thông tin	2012-2014	TTTT	1.000	Xây dựng phần mềm Quản lý hồ sơ cán bộ	200	
						Xây dựng phần mềm tổng hợp báo cáo theo Thông tư số 02/2010/TT-UBND	270	
5	Xây dựng kế hoạch và triển khai trang thiết bị phòng họp trực tuyến của Ủy ban Dân tộc	Thực hiện ứng dụng CNTT trong hoạt động quản lý, chỉ đạo và điều hành của UBND; trang thiết bị phòng họp giao ban trực tuyến tại UBND và các Vụ Địa phương trực thuộc UBND	2011-2015	TTTT	2.100	Triển khai Trang thiết bị phòng họp tại UBND và Vụ Địa phương 2, Vụ Địa phương 3.	1.219	



6	Xây dựng các Trang tin/Công thông tin thành phần phục vụ người dân và doanh nghiệp	Xây dựng một hệ thống giao diện bao gồm các công cụ, thông tin, biểu mẫu phục vụ cải cách hành chính tại cơ quan UBND song song với phục vụ người dân và doanh nghiệp	2012-2015	TTTT	880	Xây dựng Trang tin thành phần tiếng Anh trên Trang tin điện tử UBND	107	
7	Dự án xây dựng Bộ cơ sở dữ liệu về các dân tộc thiểu số Việt Nam	Xây dựng, chuẩn hóa Bộ CSDL về công tác dân tộc có khả năng tích hợp với hệ thống CSDL quốc gia; duy trì nội dung thông tin của Bộ CSDL	2011-2015	TTTT	3.500	Xây dựng Hệ thống quản lý Bộ Cơ sở dữ liệu dân tộc thiểu số Việt Nam; tiếp tục khai thác và cập nhật thường xuyên nội dung của CSDL; Xây dựng và phê duyệt Quy chế về Quản lý, sử dụng và khai thác CSDL; Tích hợp hệ thống thông tin bản đồ số với CSDL.	1.578	
							<b>4.583</b>	
<b>Bảng chữ: Bốn tỷ năm trăm tám mươi ba triệu đồng</b>								

## VII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

### 1. Trung tâm Thông tin

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan hướng dẫn, kiểm tra và đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch này; sơ kết tình hình thực hiện hàng năm, đề xuất



các giải pháp cụ thể để giải quyết những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình Lãnh đạo Ủy ban.

- Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan xây dựng, lập dự án cho các nhiệm vụ trong Kế hoạch trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm phê duyệt.

- Xây dựng và trình Bộ trưởng, Chủ nhiệm ban hành các văn bản thúc đẩy ứng dụng CNTT trong Ủy ban Dân tộc và các quy chế, quy định về quản lý ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc.

- Tổ chức, phối hợp và hướng dẫn với các Vụ, đơn vị trong Ủy ban Dân tộc ứng dụng các kết quả của Kế hoạch này.

## **2. Vụ Kế hoạch Tài chính**

- Cấp phát kinh phí đã được cân đối trong dự toán chi ngân sách hàng năm cho các dự án, nhiệm vụ trong Kế hoạch ứng dụng CNTT trong hoạt động của cơ quan Ủy ban Dân tộc năm 2013.

- Hướng dẫn các đơn vị liên quan quản lý sử dụng kinh phí ứng dụng Công nghệ thông tin trong cơ quan nhà nước theo quy định của pháp luật.

## **3. Vụ Tổ chức Cán bộ**

- Nghiên cứu, đề xuất trong việc phân bổ biên chế về CNTT.

- Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực đội ngũ công chức, viên chức chuyên trách về CNTT để đáp ứng được yêu cầu ứng dụng CNTT của Ủy ban Dân tộc.

- Xây dựng cơ chế, chính sách ưu đãi đối với những cán bộ chuyên trách về CNTT của ngành.

**KT. BỘ TRƯỞNG, CHỦ NHIỆM  
PHÓ CHỦ NHIỆM**



**Phan Văn Hùng**



[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)